ỦY BAN NHÂN TỈNH NGHỆ AN (cỡ chữ 14)

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ AN (cỡ chữ 14)**

**(Bìa Ngoài)**

**TS. (ThS.)…. (Chủ biên nếu có),…… (cỡ chữ 14)**

****

**GIÁO TRÌNH (cỡ chữ 18)**

**CÔNG NGHỆ SINH HỌC(cỡ chữ 28)**

**(DÙNG CHO HỆ….) (cỡ chữ 14)**

**NGHỆ AN, THÁNG…. NĂM…..(cỡ chữ 14)**

ỦY BAN NHÂN TỈNH NGHỆ AN (cỡ chữ 14)

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ AN (cỡ chữ 14)**

**(Bìa lót trong)**

**TS. (ThS.)…. (Chủ biên nếu có),…… (cỡ chữ 14)**

****

**GIÁO TRÌNH(cỡ chữ 18)**

**CÔNG NGHỆ SINH HỌC(cỡ chữ 28)**

**(TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ) (cỡ chữ 14)**

**NGHỆ AN, THÁNG…. NĂM….. (cỡ chữ 14)**

**Thứ tự trình bày của giáo trình**

Bìa ngoài

Bìa lót trong

Lời giới thiệu

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt (Nếu có)

Phần nội dung (trình bày theo đề cương)

Tài liệu tham khảo

Phụ lục (Nếu có)

**HÌNH THỨC GIÁO TRÌNH**

**1. Soạn thảo văn bản**

- Giáo trình sử dụng phông chữ Times New Roman; cỡ chữ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không nén hoặc kéo dãn khoảng cách giữa các chữ.

- Dãn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trái: 3 cm; lề trên, lề dưới và lề phải: 2cm. Số trang được đánh ở giữa, phía dưới mỗi trang giấy.

- Không gạch ngang hoặc để các tít ở đầu mỗi trang.

- Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theochiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang (nên hạn chế trình bày theocách này).

- Giáo trình nộp để Nhà trường thẩm định và tổ chức xuất bản được in trên một mặt giấy trắng khổ A4.

**2. Chương, mục, tiểu mục**

- Các chương được ghi bằng chữ số Arập, dưới chương là các mục gồm hai chữ số, dưới mục là nhóm tiểu mục gồm 3 chữ số, dưới nhóm tiểu mục là các tiểu mục gồm 4 chữ số. Các tiểu mục được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 4 chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ: 4.1.2.1 - chỉ tiểu mục 1 - nhóm tiểu mục 2 - mục 1- chương 4).

- Tại mỗi nhóm tiểu mục phải có ít nhất hai tiểu mục, nghĩa là không thể có tiểu mục 2.1.1 mà không có tiểu mục 2.1.2 tiếp theo.

- Quy định kiểu chữ, cỡ chữ (theo font chữ unicode) của các chương, mục, tiểu mục được thể hiện trong bảng sau:

**Quy định kiểu chữ, cỡ chữ của các chương, mục, tiểu mục**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Kiểu chữ** | **Cỡ chữ** | **Định dạng** | **Ví dụ (mẫu chữ)** |
| Phần (I, II, III…) | TimeNewRoman  (viết hoa) | 13(14) | Đậm, đứng | **PHẦN I**  **KHÁI QUÁT…** |
| Chương (đánh  theo số 1,2,3...) | TimeNewRoman  (viết thường) | 13(14) | Đậm, đứng | **Chương 2** |
| Tên chương | TimeNewRoman  (viết hoa) | 14 | Đậm, đứng | **VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI KÌ ...** |
| Mục (1.1, 1.2,...) | TimeNewRoman  (viết thường) | 13(14) | Đậm, đứng | * 1. **Tác giả** |
| Nhóm tiểu mục  (1.1.1, 1.1.2...) | TimeNewRoman  (viết thường) | 13(14) | Đậm, đứng | **1.1.1. Truyền thống** |
| Tiểu mục  (1.1.1.1; 1.1.1.2) | TimeNewRoman  (viết thường) | 13(14) | Đậm, đứng | 1.1.1.1. Một số nội dung |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung văn  bản | TimeNewRoman  (viết thường) | 13(14) | Thường, đứng, | Văn học thời kì này |
| Tên hình, bảng | TimeNewRoman  (viết thường) | 13(14) | Thường, đứng | Bảng 2.1. So sánh |
| Chú thích | TimeNewRoman (viết thường) | 10 | Thường, đứng | 1. Đặng Thai Mai  2. Tổng cục thống kê ... |
| Phụ lục, Tài liệu  tham khảo | TimeNewRoman ( viết hoa) |  |  | **PHỤ LỤC; TÀI LIỆU**  **THAM KHẢO** |

**3. Bảng biểu, hình vẽ, phương trình, công thức...**

- Đánh số bảng biểu, hình vẽ, phương trình, công thức... phải gắn với số chương. Ví dụ: Hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong Chương 3.

- Các đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ. Ví dụ: “Nguồn: Tổng cục thống kê2010”. Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục tài liệu tham khảo.

- Tiêu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng; Tiêu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình.

- Thông thường những bảng ngắn và đồ thị nhỏ phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này. Các bảng dài hoặc hình vẽ lớn có thể để ở những trang riêng nhưng cũng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng hoặc hình vẽ.

- Trong mọi trường hợp, 4 lề bao quanh phần văn bản và bảng biểu vẫn như quyđịnh ở trên.

- Trong giáo trình các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ bằng mực đen để có thể saochụp lại, có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề; cỡ chữ phải bằng cỡ chữ trong văn bản quy định. Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó. Ví dụ: “…được nêu trong Bảng 4.1” hoặc “xem Hình 3.2” mà không được viết “được nêu trong bảng dưới đây” hoặc “trong đồ thị của trang sau”.

- Trình bày các công thức, phương trình toán học trên một dòng đơn hoặc

dòng kép là tuỳ ý, tuy nhiên phải thống nhất trong toàn giáo trình, đề cương bài giảng, đề cương môn học. Khi ký hiệu xuất hiện lần đầu tiên thì phải giải thích và đơn vị tính phải đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Nếu cần thiết, danh mục của tất cả các ký hiệu, chữ viết tắt và nghĩa của chúng cần được liệt kê và để ở phần đầu củagiáo trình.

- Tất cả các phương trình/công thức cần được đánh số và để trong ngoặc đơn đặt bên phía lề phải. Nếu một nhóm phương trình mang cùng một số thì những số này cũng được để trong ngoặc, hoặc mỗi phương trình trong nhóm phương trình (5.1) có thể được đánh số là (5.1.1), (5.1.2), (5.1.3).

**4. Qui định về viết tắt**

Không lạm dụng việc viết tắt trong giáo trình. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; những cụm từ ít xuất hiện. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên các cơ quan, tổ chức… thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo A B C) ở phần đầu.

**5. Tài liệu tham khảo và cách trích dẫn**

***5.1. Quy định chung***

- Các tài liệu tham khảo dùng để viết giáo trình không phải của riêng tác giả phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục tài liệu tham khảo.

- Không trích dẫn những kiến thức phổ biến, mọi người đều biết. Tránh làm giáo trình quá nặng nề với những tham khảo trích dẫn.

- Nếu không có điều kiện tiếp cận tài liệu gốc mà phải thông qua một tài liệu khác thì phải nêu rõ các trích dẫn này, đồng thời tài liệu gốc đó không được liệt kê trong danh mục tài liệu tham khảo.

- Khi cần trích một đoạn ít hơn 2 câu hoặc 4 dòng, có thể sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc phần trích dẫn. Nếu cần trích dẫn dài hơn thì phải tách phần này thành một đoạn riêng khỏi phần nội dung đang trình bày, với lề trái lùi vào hơn 2 cm. Khi mở đầu và kết thúc đoạn trích này không phải sử dụng dấu ngoặc kép.

***5.2. Cách trích dẫn***

- Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật.....).

- Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự A, B, C họ tên tác giả theo thông lệ của từng nước:

+ Tác giả là người nước ngoài: xếp thứ tự A, B, C theo họ.

+ Tác giả là người Việt Nam: xếp thứ tự A, B, C theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ.

+ Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự A, B, C từ đầu của tên cơ quan ban hành, báo cáo hay ấn phẩm. Ví dụ: Tổng cục Thống kê xếp vào vần T, Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào vần B, …

- Tài liệu tham khảo là sách, giáo trình, luận án, báo cáo phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

+ Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu ngăn cách)

+ Năm xuất bản, (đặt trong ngoặc đơn và có dấu phẩy sau ngoặc đơn)

+ Tên sách, luận án hoặc báo cáo, (in nghiêng và có dấu phẩy cuối tên)

+ Nhà xuất bản, (có dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản)

+ Nơi xuất bản. (có dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo).

- Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

+ Tên tác giả (không có dấu ngăn cách)

+ (Năm công bố), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)

+ Tên bài báo, không in nghiêng, có dấu phẩy cuối tên

+ Tên tạp chí hoặc tên sách (in nghiêng, có dấu phẩy cuối tên)

+ Tập (không có dấu ngăn cách)

+ Số, (đặt trong ngoặc đơn, có dấu 2 chấm sau ngoặc đơn)

+ Các số trang (gạch ngang giữa hai chữ số, có dấu chấm kết thúc)

- Nếu là tài liệu trên Internet: Tên tác giả (thời gian công bố), tên tài liệu, địa chỉ Website, đường dẫn tới nội dung trích dẫn, thời gian trích dẫn.

Ví dụ: Mai Loan (2008), Phát triển nhiên liệu sinh học không tổn hại nông nghiệp Việt Nam, http://vietnamnet.vn/khoahoc, trích dẫn 15/10/2010.

***Ví dụ cụ thể về cách trình bày trang Tài liệu tham khảo:***

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**Tiếng Việt**

1. Quách Ngọc Ân (1992), Nhìn lại hai năm phát triển lúa lai, *Tạp chí Di truyền học ứng dụng*, 98(1): 10-16.

2. Bộ Nông nghiệp và PTNT (1996), *Báo cáo tổng kết 5 năm (1992 - 1996) phát triển lúa lai,* Hà Nội.

3. Nguyễn Hữu Đống, Đào Thanh Bằng, Lâm Quang Dụ, Phan Đức Trực (1997), *Đột biến - Cơ sở lý luận và ứng dụng*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Gấm (1996), *Phát hiện và đánh giá một số dòng bất dục đực cảm ứng nhiệt độ,* Luận văn thạc sĩ khoa học nông nghiệp, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.

5. Võ Thị Kim Huệ (2000), *Nghiên cứu chuẩn đoán và điều trị bệnh.....,* Luận án Tiến sĩ Y khoa, trường Đại học Y, Hà Nội.

**Tiếng Anh**

26. Anderson J. E. (1985), The Relative Inefficiency of Quota, The Cheese Case,

*American Economic Review,* 75(1): 78-90

27. Borkakati R. P., Virmani S. S. (1997), Genetics of thermosensitive genic male

sterility in Rice, *Euphytica* 88: 1-7.

28. BouldingK.E. (1955), *Economics Analysis*, Hamish Hamilton, London.

29. Burton G. W. (1988), *Cytoplasmic male-sterility in pearl millet (penni- setumglaucum L.)*, Agronomic Journal, 50: 230-231, Central Statistical Organization (1995), Statistical Year Book, Beijing.

30. FAO (1971), *Agricultural Commodity Projections* (1970-1980), Vol. II, Rome.

31. Institute of Economics (1988), *Analysis of Expenditure Pattern of Urban Households in Vietnam*, Department of Economics, Economic Research Report, Hanoi.

**6. Các phụ lục của giáo trình**

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh hoạ hoặc bổ trợ cho nội dung bài giảng như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh...